

ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

4.2. Các đơn vị thuộc Tổng cục Bưu điện trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ liên quan có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

4.3. Các doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Tổng cục Bưu điện để được hướng dẫn hoặc giải thích./.

Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện

MAI LIÊM TRỰC

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

THÔNG TƯ số 1248/2000/TT-TCĐC ngày 21/8/2000 sửa đổi, bổ sung điểm 6 Mục I của Thông tư số 1417/1999/TT-TCĐC ngày 18/9/1999 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê

lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/CP ngày 23 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Địa chính;

Tổng cục Địa chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 6 Mục I của Thông tư số 1417/1999/TT-TCĐC ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm 6 Mục I.

Sửa đổi, bổ sung nội dung hướng dẫn tại điểm 6 Mục I của Thông tư số 1417/1999/TT-TCĐC về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

"6. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi người sử dụng đất thực hiện các quyền.

Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để người sử dụng đất thực hiện các quyền theo quy định tại Nghị định số 17/1999/NĐ-CP thì đồng thời trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chứng nhận biến động đất đai trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất là:

- Tổ chức sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng các loại đất tại nội thành phố, nội thị xã và đất ở, đất chuyên dùng tại thị trấn.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất là:

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại nông thôn và tại thị trấn;

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, đất chuyên dùng tại nông thôn".

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì phản ánh kịp thời về Tổng cục Địa chính để giải quyết./.

Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính

BÙI XUÂN SƠN

TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ số 05/2000/TT-TCHQ ngày 26/9/2000 hướng dẫn thủ tục hải quan đối với xăng dầu nhập khẩu và tạm nhập - tái xuất.

Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999 quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan được áp dụng chung cho các đối tượng làm thủ tục hải quan, trong đó xăng dầu nhập khẩu và xăng dầu tạm nhập - tái xuất, thuộc hàng hóa kinh doanh có điều kiện theo quy định tại các văn bản hiện hành của Chính phủ và Bộ Thương mại.

Để bảo đảm thực hiện thống nhất thủ tục hải quan đối với loại hàng hóa này, Tổng cục Hải

quan hướng dẫn thêm một số nội dung liên quan, cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Xăng dầu nhập khẩu và xăng dầu tạm nhập - tái xuất là đối tượng làm thủ tục hải quan bao gồm: xăng (kể cả xăng làm dung môi), dầu hỏa, dầu diesel (DO), ma dút (FO), zét A1 (nhiên liệu bay), TC1.

2. Người làm thủ tục hải quan đối với xăng dầu nhập khẩu và xăng dầu tạm nhập - tái xuất bao gồm: các doanh nghiệp chuyên doanh nhập khẩu xăng dầu đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Thương mại cho phép (doanh nghiệp là đầu mối nhập khẩu xăng dầu) hoặc doanh nghiệp, chi nhánh trực thuộc được ủy quyền; doanh nghiệp khác có chức năng kinh doanh xăng dầu được Bộ Thương mại cho phép tạm nhập - tái xuất xăng dầu theo từng thương vụ hoặc doanh nghiệp, chi nhánh trực thuộc được ủy quyền.

3. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, chỉ tiêu nhập khẩu xăng dầu Bộ Thương mại đã cấp cho doanh nghiệp hàng năm (kể cả khi điều chỉnh), giấy phép tạm nhập - tái xuất xăng dầu do Bộ Thương mại cấp, hải quan thực hiện việc làm thủ tục hải quan (gồm cả xăng dầu nhập khẩu có nguồn gốc tạm nhập - tái xuất).

4. Quy trình thủ tục hải quan đối với xăng dầu nhập khẩu, xăng dầu tạm nhập - tái xuất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999, Thông tư số 01/1999/TT-TCHQ ngày 10/5/1999 của Tổng cục Hải quan và các quy định cụ thể nêu tại Thông tư này.

Hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ xăng dầu kể từ khi được chuyên chở trên phương tiện vận tải tới cửa khẩu đầu tiên của Việt Nam cho đến khi hoàn thành thủ tục hải quan (đối với xăng dầu nhập khẩu) hoặc cho đến khi thực tái xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam (đối với xăng dầu